

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N, TỈNH N**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/DS-ST

Ngày 13 - 4 - 2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Rạng

2. Ông Đàm Văn Kiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Tuấn Tú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện N, tỉnh N tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2020/TLST-TCDS ngày 27/10/2020, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-TCDS ngày 26/02/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2021/QĐST-TCDS ngày 25/3/2021, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D - Sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn Hưng Thịnh, xã H, huyện N, tỉnh N.

+ Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ph - Sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn Hưng Thịnh, xã H, huyện N, tỉnh N.

+ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn Th - Sinh năm 1963

Địa chỉ: Thôn Hưng Thịnh, xã H, huyện N, tỉnh N.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Th là bà Nguyễn Thị D sinh năm 1964; Địa chỉ: thôn Hưng Thịnh, xã H, huyện N, tỉnh N (Văn bản ủy quyền lập ngày 28/10/2020).

Tại phiên tòa có mặt bà D, người đại diện của ông Th; vắng mặt chị Ph

NỘI D V U ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 26/10/2020 cũng như lời khai của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị D và là người đại diện của ông Nguyễn Văn Th là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết trình bày: Vợ chồng bà với vợ chồng

chị Nguyễn Thị Ph là chỗ quan hệ làng xóm và có họ xa với nhau nên ngày 04/6/2017 bà đã cho chị Ph vay 08 chỉ vàng 99,99%. Khi chị Ph đến hỏi vay vàng của vợ chồng bà thì chị Ph nói vay về chi tiêu trong gia đình. Khi đó bà với chị Ph viết giấy vay nợ và thoả thuận lãi suất 40.000 đồng/chỉ/tháng, hai bên thoả thuận miệng với nhau khi nào bà đòi thì chị Ph sẽ trả. Quá trình thực hiện hợp đồng thì chị Ph đã trả tiền lãi cho bà đến tháng 6/2018, sau đó chị Ph không trả lãi nữa. Từ tháng 7/2018 bà đã nhiều lần yêu cầu chị Ph phải trả số vàng gốc vay nhưng chị Ph chỉ khát nợ nhưng không trả nên ngày 26/10/2020 bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng chị Ph, anh Minh phải trả bà số vàng gốc vay còn nợ 08 chỉ vàng 99,99% cùng tiền lãi chưa trả từ tháng 7/2018 đến khi giải quyết xong. Nhưng trong quá trình giải quyết bà xác định anh Minh không biết việc vay nợ giữa bà với chị Ph nên bà thay đổi yêu cầu và không yêu cầu anh Minh phải có trách nhiệm cùng chị Ph trả số vàng vay còn nợ vợ chồng bà. Nay bà chỉ yêu cầu chị Ph phải trả vợ chồng bà số vàng gốc vay còn nợ 08 chỉ vàng 99,99%, về tiền lãi đã trả bà không yêu cầu xem xét giải quyết, về tiền lãi chưa trả, bà không yêu cầu chị Ph phải trả. Về giá vàng loại 99,99% hiện tại thị trường bà với chị Ph đã thống nhất xác định là 5.300.000 đồng/chỉ.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn là chị Nguyễn Thị Ph vắng mặt nhưng chị Ph có lời khai trong quá trình giải quyết trình bày: Vợ chồng chị và vợ chồng bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn Th là người cùng xóm và còn có anh em họ với nhau. Trong quá trình làm kinh tế, chị thiếu vốn nên có vay của bà D 08 chỉ vàng 99,99%. Khi vay chỉ mình chị gặp bà D hỏi vay và hai bên có viết giấy vay nợ với nhau, thoả thuận về lãi suất là 40.000 đồng/chỉ/tháng và chị với bà D thoả thuận miệng với nhau là khi nào bà D đòi thì chị trả. Quá trình thực hiện hợp đồng thì chị đã trả tiền lãi cho bà D đến hết tháng 6/2018 còn lại thì chưa trả. Sau đó bà D đã nhiều lần yêu cầu chị trả nợ nhưng chị chưa có trả cho bà D. Nay bà D yêu cầu vợ chồng chị phải trả số vàng chị đã vay 08 chỉ vàng 99,99% và không yêu cầu trả tiền lãi thì chị xác định chị có vay của bà D ông Th 08 chỉ vàng 99,99%. Việc chị vay vàng của bà D thì chồng chị là anh Nguyễn Văn Minh không biết, không liên quan. Về tiền lãi đã trả chị không yêu cầu xem xét giải quyết. Chị đã thống nhất với bà D xác định giá vàng trên thị trường đối với loại vàng 99,99% hiện tại được xác định là 5.300.000 đồng/chỉ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng, qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội D, đề nghị hội đồng xét xử áp dụng các Điều 429; 463; 466 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D; buộc chị Nguyễn Thị Ph phải trả cho bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn Th số vàng gốc vay còn nợ

là 08 chỉ vàng 99,99% và không tính lãi. Về án dân sự sơ thẩm đề nghị buộc bà Ph phía nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị D và chị Nguyễn Thị Ph đều cư trú tại xã H, huyện N, tỉnh N. Nay bà D khởi kiện yêu cầu chị Ph trả số vàng gốc vay còn nợ và Tòa án nhân dân huyện nghĩa Hưng thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Ph vắng mặt nhưng Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Ph là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội D: Trên cơ sở mối quan hệ là người cùng xóm và có quan hệ là anh em họ giữa vợ chồng bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn Th và chị Nguyễn Thị Phương nên ngày 04/6/2017 bà Nguyễn Thị D đã cho chị Nguyễn Thị Ph vay 08 chỉ vàng 99,99%. Hai bên có viết giấy vay nợ, thỏa thuận tính lãi 40.000 đồng/tháng/chỉ và thỏa thuận miệng khi nào cần thì bà D báo cho chị Ph biết sẽ trả. Quá trình thực hiện hợp đồng thì chị Ph đã trả tiền lãi cho bà D đến tháng 6/2018, sau đó không trả. Từ tháng 7/2018, bà D đã yêu cầu chị Ph trả số vàng gốc vay cùng tiền lãi nhưng chị Ph không trả nên ngày 26/10/2020 bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Ph trả số vàng gốc vay còn nợ 08 chỉ vàng 99,99% cùng tiền lãi còn nợ là có căn cứ. Thấy hợp đồng vay vàng giữa vợ chồng bà D với chị Ph là hợp đồng vay tài sản, có lãi, không kỳ hạn và bà D khởi kiện đòi nợ chị Ph còn trong thời hiệu khởi kiện về hợp đồng nên chấp nhận yêu cầu của vợ chồng bà D buộc chị Ph trả nợ số vàng gốc vay 08 chỉ vàng 99,99% là phù hợp. Về tiền lãi hai bên thỏa thuận đã trả đến tháng 6/2018 và bà D, chị Ph không yêu cầu xem xét giải quyết lại nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về tiền lãi chưa trả thì bà D thay đổi yêu cầu và không yêu cầu chị Ph trả tiền lãi chưa trả nên chấp nhận là phù hợp. Trong quá trình giải quyết bà D thay đổi và không yêu cầu anh Nguyễn Văn Minh là chồng chị Ph phải cùng chị Ph trả nợ cho vợ chồng bà và phía chị Ph xác định việc chị vay vàng của bà D thì anh Minh không biết, không liên quan nên không buộc anh Minh cùng chị Ph trả nợ cho vợ chồng bà D và không đưa anh Minh vào tham gia trong vụ án là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà D được chấp nhận nên chị Nguyễn Thị Ph phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với số vàng phải trả cho

bà D. Bà Nguyễn Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại bà D số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[4] Thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 429; 463; 466; 469 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 6; 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D. Buộc chị Nguyễn Thị Ph phải trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn Th số vàng gốc vay còn nợ là 08 (tám) chỉ vàng 99,99%.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc chị Nguyễn Thị Ph phải nộp dân sự sơ thẩm là $(08 \times 5.300.000 \text{ đồng} \times 5\%) = 2.120.000 \text{ đồng}$ (hai triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

- Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị D số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bà D, người đại diện của ông Th, vắng mặt chị Ph. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì nguyên đơn, người có quyền lợi liên quan và bị đơn có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh N;
- VKS huyện N;
- Chi cục THADS H N;
- UBND xã H;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Xuân Dũng

